|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG | | **ĐÁP ÁN KẾT THÚC HỌC PHẦN** | | | | | | | | |
| **KHOA** ĐIỀU DƯỠNG VÀ KỸ THUẬT Y HỌC | | | | Học kỳ: | **1** | Năm học: | | **2021 - 2022** | | |
| Mã học phần: DYH0100 | Tên học phần: Bệnh Học Nội Ngoại khoa | | | | Tín chỉ: 3 | | | | Khóa: K26 | |
| Mã nhóm lớp HP: | K26Y-XN01, K26Y-XN02, K26Y-XN03 | | - Đề thi số: | | **……** | | - Mã đề thi: | | | **………** |
| Thời gian làm bài: | 60 (phút) | | | | | | | | | |
| Hình thức thi: | **Tự luận** | | | | | | | | | |

Câu 1 (3 điểm):

Triệu chứng lâm sàng của gãy xương

- Dấu hiệu chắc chắn của gãy xương: (0,25)

+ Biến dạng (0,25)

+ Cử động bất thường (0,25)

+ Tiếng lạo xạo (0,25)

- Dấu hiệu không chắc chắn của gãy xương: (0,25)

+ Sưng, bầm tím (0,25)

+ Đau chói (0,25)

+ Mất cơ năng (0,25)

Nguyên tắc điều trị xương gãy:

- Nắn hết các di lệch (0,25)

- Bất động vững chắc vùng gãy xương (0,25)

- Tập vận động chủ động sớm (0,25)

Phải thực hiện 3 nguyên tắc đúng trình tự, không làm ngược lại (0,25)

Câu 2:

1. **Lâm sàng (2 điểm)**

Đa số các bệnh nhân không có triệu chứng rõ ràng, được phát hiện tình cờ khi làm xét nghiệm. Khoảng 25% bệnh nhân có các biểu hiện lâm sàng điển hình gợi ý viêm gan như: đau hạ sườn phải, vàng da. (0,25 điểm)

## Viêm gan cấp (1 điểm)

Bệnh có thể chia làm 4 thời kỳ:

## Thời kỳ ủ bệnh (0,25 điểm)

Kéo dài trung bình vài tuần đến vài tháng tùy theo từng tác nhân gây bệnh. Hầu như bệnh nhân không có triệu chứng gì đặc biệt

## 1.1.2. Thời kỳ khởi phát (0,25 điểm)

* + - * Sốt nhẹ không kèm lạnh run.
      * Mệt mỏi, ăn uống kém, đau cơ, đau khớp.
      * Đôi khi có đau vùng gan, tiểu màu vàng sậm.

## 1.1.3. Thời kỳ toàn phát(0,25 điểm)

* + - * Xuất hiện tiểu sậm màu trước tiên, sau đó mới phát hiện vàng da, niêm. Lúc này, sốt giảm dần rồi hết hẳn.
      * Triệu chứng suy nhược cơ thể (mệt, ăn uống kém, buồn nôn hoặc nôn,…).
      * Có thể ngứa.
      * Có thể rối loạn đi tiêu: tiêu chảy hoặc táo bón.
      * Gan có thể to, đau tức khi khám.
      * Có thể diễn tiến nặng thành thể viêm gan tối cấp với biểu hiện suy chức năng gan cấp gây rối loạn đông máu (xuất huyết da niêm, xuất huyết tiêu hóa,…), rối loạn tri giác, đi dần vào hôn mê gan trong vòng 8 tuần từ khi khởi bệnh, có thể tử vong. Trong thể suy gan cấp, tình trạng phù chân, báng bụng thường rất nhẹ trong khi tình trạng rối loạn đông máu và rối loạn tri giác lại nổi bật.

## 1.1.4. Thời kỳ hồi phục (0,25 điểm)

Các triệu chứng giảm dần, biến mất, bệnh nhân hồi phục hoàn toàn sau 1-2 tháng. Một số bệnh nhân có thể bị vàng da kéo dài nhưng cũng không quá 6 tháng.

## Viêm gan mạn (0,75 điểm)

Giai đoạn đầu thường không có triệu chứng lâm sàng rõ (0,25 điểm). Bệnh nhân có thể chỉ cảm thấy hơi mệt mỏi, ăn kém, vàng da niêm nhẹ,…hoặc hoàn toàn không có triệu chứng gì (0.25 điểm). Sau nhiều năm, triệu chứng đầu tiên khiến bệnh nhân quan tâm thường là biểu hiện của biến chứng như xơ gan mất bù (phù chân, báng bụng, tiểu ít, xuất huyết da niêm bất thường,…) hoặc là ung thư gan (gan to, cứng, đau, suy giảm tổng trạng nhanh chóng).(0.25 điểm)

## Cận lâm sàng (1 điểm)

* 1. **Xét nghiệm chẩn đoán viêm gan (0.5 điểm)**
* Định lượng các men gan transaminase: AST (SGOT) và ALT (SGPT).(0,1 điểm)
* Lactat dehydrogenase (LDH).(0,05 điểm)
* Bilirubin. ).(0,05 điểm)
* Phosphatase kiềm (ALP). ).(0,05 điểm)
* γ glutamyl transpeptidase (GGT). ).(0,05 điểm)
* Điện di protein. ).(0,05 điểm)
* Chức năng đông máu. ).(0,05 điểm)
* Chẩn đoán hình ảnh học: siêu âm, CT scan, MRI,… ).(0,05 điểm)
* Sinh thiết gan. ).(0,05 điểm)

## Xét nghiệm chẩn đoán nguyên nhân:

Tùy thuộc từng nguyên nhân khác nhau, ví dụ:

**-** Viêm gan siêu vi B: HBsAg, Anti-HBs, Anti-HBc (IgM: viêm cấp), HBeAg, Anti-HBe, HBV DNA.(0,25 điểm)

- Viêm gan siêu vi C: Anti-HCV, HCV RNA.(0,25 điểm)

Câu 3: (3 điểm)

Nguyên tắc điều trị đái tháo đường

* + Chế độ dinh dưỡng: hạn chế glucid nhưng phải đảm bảo tổng số calo cần thiết trong ngày. Chọn loại thực phẩm có chỉ số đường huyết thấp, nhiều chất xơ, chia làm nhiều bữa ăn trong ngày.(0.75 điểm)
  + Hoạt động thể lực: phù hợp với sức khỏe, lứa tuổi. Nên chọn những môn rèn luyện sự dẻo dai như : đi bộ, đi xe đạp, bơi lội,…khoảng 30 phút/ngày. .(0.75 điểm)
  + Dùng thuốc: tiêm insulin hoặc uống thuốc viên hạ đường huyết tùy trường hợp

cụ thể. .(0.7 điểm)

Thuốc viên:

- Metformin (0.1 điểm)

- Sulfonylurea(0.1 điểm)

- Glinid (0.1 điểm)

* Thiazolidinedion (0.1 điểm)
* Ức chế men alpha-glucosidase (0.1 điểm)
* Chất đồng vận incretin (GLP-1). (0.1 điểm)
* Chất ức chế men DPP-4. (0.1 điểm)
* Chất ức chế kênh đồng vận chuyển natri-glucose 2 (SGLT-2). (0.1 điểm)

Câu 4 (1 điểm):

Tên của các nội dung trong bênh án:

2. Bệnh sử (0.125 điểm)

3. Khám. (0.125 điểm)

4. Chẩn đoán sơ bộ (0.125 điểm)

5. Cận lâm sàng (0.125 điểm)

6. Chẩn đoán xác định (0.125 điểm)

7. Điều trị (0,25 điểm)

*Ngày biên soạn: 13/10*

**Giảng viên biên soạn đề thi:** Nguyễn Lê Mai

*Ngày kiểm duyệt:*

**Trưởng Khoa kiểm duyệt đề thi: Ts Bs Nguyễn Hùng Vĩ**

Sau khi kiểm duyệt đề thi, **Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn** gửi về Trung tâm Khảo thí qua email: **phannhatlinh@gmail.com** bao gồmfile word và file pdf (đặt password cả 2 file trên) và nhắn tin password qua Số điện thoại Thầy Phan Nhất Linh (**0918.01.03.09**).